**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **914**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2019
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Minh Tuân

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 686/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Anh T – sinh năm 1958
Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
*(Có đơn xin vắng mặt)*

*2. Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1961
Địa chỉ: đường K, phường S, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh
*(Có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1979, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 342 ngày 23/5/1979 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vợ chồng ông chung sống tới khoảng năm 1984 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có bất đồng ý kiến trong nhiều vấn đề của cuộc sống nên vợ chồng xảy ra nhiều xung đột dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Cả hai đã ly thân từ lâu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H để mỗi người tự ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Anh K – sinh năm 1980 và Nguyễn Tuấn P – sinh năm 1983. Do các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có.

Vì thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được nên ông không đồng ý hòa giải và yêu cầu Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải đối với vụ án này.

*Tại bản tự khai ngày 05/8/2019 và các buổi làm việc tại Tòa, bị đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà thừa nhận phần trình bày trong đơn xin ly hôn của ông T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và các con chung. Theo bà, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức ông T phải nộp đơn ly hôn, nhưng nay do ông T cương quyết ly hôn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc và bà cũng không muốn kéo dài sợ ảnh hưởng tới cuộc sống của các con nên bà đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông T để hai bên tự ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà xác nhận các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

*Tại phiên tòa,*

Ông T và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp:* Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, bà H cư ngụ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

*[2] Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 342 ngày 23/5/1979 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết, ông T bà H có đơn yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt khi xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[3] Xét yêu cầu của đương sự:*

*[3.1] Về hôn nhân:* Ông T có yêu cầu ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà Hcó nhiều mâu thuẫn nên không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Bà H tuy không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng nhưng cũng không muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ mà bà cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T để hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng. Nhận thấy

cuộc sống vợ chồng của ông T và bà H không hạnh phúc, còn tồn tại những mâu thuẫn chưa giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

*[3.2] Về con chung:* Ông T bà H có 02 con chung tên Nguyễn Anh K – sinh năm 1980 và Nguyễn Tuấn P – sinh năm 1983. Do các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:* Cả hai khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[4] Về án phí:* Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án)

Tuyên xử:

***1.*** *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Anh T:*

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Anh K – sinh năm 1980 và Nguyễn Tuấn P – sinh năm 1983. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H khai không có.

**2.** *Về án phí:*

Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông T đã nộp theo biên lai số 0038787 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X. Ông T không phải nộp thêm án phí.

**3.** *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã L, huyện E, Tp.Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 342 ngày 23/5/1979)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Hiếu**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lương Phượng** **Nguyễn Minh Tuân** **Bành Kim**